TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 387/2019/DS-PT
Ngày: 29/11/2019
V/v:"Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang

Bà Nguyễn Thu Hồng

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST, ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 354/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1959 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Số 13 Thiền Quang, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: ông Lê Chí K, sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: P8 Q 37 Trương Định phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội *(Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 04/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Độc lập; anh Kiên có mặt tại phiên tòa).*

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1968 *(có mặt);*

2. Ông Doãn Hữu H, sinh năm 1961 *(vắng mặt);*

Cùng HKTT: Số 10 ngõ 121 Lê Thanh Nghị, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Anh Doãn Minh Đ, sinh năm: 1990; HKTT: Số 5, hẻm 12/131/18 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội *(Theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2019 tại Văn phòng công chứng Độc Lập; anh Đức có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 11/2011, do có nhu cầu mua nhà nên bà Nguyễn Thị Kim C cùng hai vợ chồng ông Doãn Hữu H, bà Trần Thị T có thỏa thuận về việc mua, bán nhà, đất tại địa chỉ 15/197 ngõ Trại Cá, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Doãn Hữu H và bà Trần Thị T với giá thoả thuận là 6,8 tỉ đồng. Ngày 22/11/2011, bà C đặt cọc số tiền 02 tỷ đồng cho ông H bà T và hẹn 01 tháng kể từ ngày đặt cọc sẽ ký kết hợp đồng mua, bán nhà và bàn giao nhà ở. Đến thời hạn bàn giao nhà, ông H, bà T có đề nghị gia hạn thêm thời hạn để ông bà thu xếp việc chuyển nhà. Ngày 22/12/2011, ông H, bà T viết giấy biên nhận lần hai và tổng hợp 02 lần nhận tiền đặt cọc là 02 tỷ đồng và 30.000USD, đồng thời cam kết sẽ ký hợp đồng mua bán nhà đất trên trong vòng 02 tháng kể từ ngày 22/12/2011. Tuy nhiên hết thời hạn thỏa thuận, ông H, bà T không thực hiện việc ký kết hợp đồng để bàn giao nhà, đất cho bà.

Bà C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu do việc đặt cọc mua bán nhà tại địa chỉ 15/197 ngõ Trại Cá, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội giao dịch bằng ngoại tệ. Đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu.

Tại đơn khởi kiện bổ sung (ghi tháng 6 năm 2019) bà C bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T và ông H phải trả cho bà C tổng cộng 2.250.000.000đồng và 35.000USD vì sau khi xem xét lại thực tế, ngoài số tiền 2.000.000.000đồng và 30.000USD thì bà C còn chuyển thêm tiền đặt cọc cho bà T, ông H 250.000.000đồng và 5.000USD nữa.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 22/11/2011, bà T cùng chồng là ông Doãn Hữu H và bà Nguyễn Thị Kim C có thỏa thuận mua, bán căn nhà tại địa chỉ 15/197 ngõ Trại Cá, phường Trương

Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội với giá 6,8 tỉ đồng. Vợ chồng bà T có viết giấy nhận tiền đặt cọc của bà C số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và giao sổ đỏ cho bà C. Ngày 22/12/2011, vợ chồng bà T lại viết giấy nhận tiền đặt cọc lần thứ hai của bà C. Tổng số tiền đặt cọc hai lần là 03 tỷ đồng. Giấy đặt cọc có giá trị trong vòng 02 tháng. Do biết gia đình bà đang vay nợ nên sau khi giữ sổ đỏ nhà, đất nêu trên, bà C không những không tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận mua bán mà còn dùng nhiều thủ đoạn ép gia đình bà bán rẻ nhà, đất nêu trên.

Do bà C đưa tiền đặt cọc cho bà làm nhiều lần, cụ thể các lần bà nhận tiền bà đã liệt kê và nộp cho Tòa án. Tổng số tiền đặt cọc bà nhận của bà C là 2.250.000.000đồng và 35.000USD. Do thời điểm đặt cọc bà C không có tiền Việt Nam đồng nên bà C nhờ bà T đi đổi ra tiền Việt Nam đồng.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C đề nghị tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu.

Ngày 02/11/2018, bà T có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu bà C phải thanh toán nốt số tiền 3.800.000.000đồng và phải bồi thường tiền do chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền còn lại theo thoả thuận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T đề nghị Tòa án yêu cầu bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Nhà nước áp dụng từ 01/12/2010 đến nay là 9%, tạm tính từ ngày 22/02/2012 đến 21/06/2019 tổng số tiền là: 2.508.000.000đồng. Tổng số tiền bà C phải trả cho vợ chồng bà là: 6.308.000.000đồng (sáu tỷ ba trăm linh tám triệu đồng).

Đồng bị đơn ông Doãn Hữu H do anh Doãn Minh Đức là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông H xác nhận đã nhận tiền đặt cọc của bà C tổng cộng 03 tỷ đồng. Ngoài ra các nội dung ghi bên dưới chữ ký của ông H trong giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà lần thứ hai thì ông H không biết. Bà C yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì ông H không đồng ý vì theo 02 giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà thì ông chỉ nhận tổng số tiền là 03 tỷ đồng chứ không nhận tiền đô la Mỹ. Việc bà C nhờ ai đổi tiền đô la Mỹ sang tiền Việt Nam đồng là việc của bà C, ông H không biết.

Ông H đồng ý với yêu cầu phản tố của bà T, đề nghị Tòa án buộc bà C phải thanh toán nốt số tiền còn lại theo nội dung giấy đặt cọc mua bán nhà số 15/197 Trại Cá, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, số tiền là 3.800.000.000đ. và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả là 2.508.000.000đ. Tổng số tiền

bà C phải trả cho vợ chồng ông bà là: 6.308.000.000đ (sáu tỷ ba trăm linh tám triệu đồng).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS - ST, ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã xét xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H do anh Doãn Minh Đức là đại diện theo ủy quyền. Xác định giao dịch đặt cọc giữa bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H là vô hiệu.

2. Bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là: 2.250.000.000đ và 35.000USD quy đổi ra tiền Việt Nam là 812.700.000đ. Tổng cộng là: 3.062.700.000đ (ba tỷ không trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà tại địa chỉ số 15/197, ngõ Trại Cá (số mới 15/239 Trần Đại Nghĩa), Hai Bà Trưng, Hà Nội và việc thanh toán số tiền 3.800.000.000đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của của bà T đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Nhà nước áp dụng từ 01/12/2010 đến nay là 9% tạm tính từ ngày 22/02/2012 đến 21/06/2019 tổng số tiền là: 2.508.000.000đ.

5. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho bà T, ông H toàn bộ giấy tờ nhà đã nhận.

Ngoài ra bản án còn tuyền về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2019, đồng bị đơn bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án Toà án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà C phải tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển nhượng theo đúng Biên bản đặt cọc ngày 22/11/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng đặt cọc vô hiệu toàn bộ là không đúng vì chỉ có lần đặt cọc thứ hai các bên mới giao dịch bằng ngoại tệ nên chỉ bị coi là vô hiệu đối với phần này, tuy nhiên do cả hai bên cùng có lỗi dẫn đến giao dịch đặt cọc vô hiệu nên không ai phải bị phạt cọc, các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

2. Về Nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Xét giao dịch đặt cọc

Năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim C cùng vợ chồng ông Doãn Hữu H, bà Trần Thị T có thỏa thuận về việc mua bán nhà, đất tại địa chỉ 15/197 ngõ Trại Cá, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Doãn Hữu H và bà Trần Thị T, hai bên thoả thuận giá nhà đất nêu trên là 6,8 tỉ đồng.

Căn cứ "*Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà và giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà lần thứ hai »* do các bên giao nộp thể hiện, bà C cùng vợ chồng bà T, ông H đã thỏa thuận và xác lập giao dịch đặt cọc để bảo đảm thực hiện việc mua bán nhà đất tại địa chỉ nêu trên.

Theo *Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà lần thứ 2,* bà Trần Thị T xác nhận đã nhận của bà C 02 tỷ đồng và 30.000đô la Mỹ (USD). Tại buổi hòa giải ngày 21/6/2019 (BL 176), bà T trình bày bà C đã đưa tiền cho bà nhiều lần, tổng số tiền bà T nhận tiền đặt cọc của bà C là 2.250.000.000đồng và 35.000 USD. Trình bày của bà T phù hợp với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

Quá trình giải quyết vụ án ông Doãn Hữu H trình bày, ông chỉ xác nhận đã nhận tiền đặt cọc của bà C 03 tỉ đồng còn các nội dung khác ông không biết. Bà T có

lời khai cho rằng số tiền 35.000USD bà C đưa cho bà để đi đổi sang tiền Việt Nam cho đủ với số tiền 03 tỉ đồng đặt cọc, tuy nhiên trong *Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà lần thứ 2,* bà C tự tay viết và ký xác nhận việc bà nhận tiền đặt cọc ngoài tiền Việt Nam đồng còn có cả tiền đô la Mỹ, bên cạnh đó bà T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đổi tiền đô la Mỹ sang tiền Việt Nam đồng như bà đã trình bày.

Như vậy căn cứ vào trình bày của đương sự, tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Toà án thu thập được, có cơ sở xác định giữa bà C cùng vợ chồng ông H bà T đã xác lập giao dịch đặt cọc để đảm bảo thực hiện việc mua, bán nhà đất tại địa chỉ 15/197 ngõ Trại Cá, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng số tiền bà C đã đặt cọc và bà T, ông H đã nhận tiền đặt cọc của bà C là 2.250.000.000đồng và 35.000USD.

Thời điểm các bên xác lập giao dịch đặt cọc là năm 2011, căn cứ vào hình thức và nội dung thoả thuận đặt cọc thấy phù hợp với quy định tại Điều 358 Bộ luật dân sự 2005, nên khi sảy ra tranh chấp, phải áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết.

2.2 Căn cứ xác định giao dịch đặt cọc vô hiệu

Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 quy định: *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các giao dịch với tổ chức tín dụng, các trường hợp thanh toán thông qua trung gian gồm thu hộ, uỷ thác, đại lý và các trường hợp cần thiết khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép*." và được hướng dẫn tại Điều 29 Nghị định 160/2006 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối 2005 (NĐ160): *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối …*".

Như vậy việc bà C cùng vợ chồng bà T ông H đã xác lập giao dịch đặt cọc một phần bằng tiền đô la Mỹ là vi phạm quy định nêu trên. Căn cứ Điều 128 Bộ luật dân sự 2005 xác định, giao dịch đặt cọc của bà C cùng vợ chồng bà T ông H đã vi phạm điều cấm của pháp luật nên phải bị coi là vô hiệu.

Đối với nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng nếu có xác định việc đặt cọc là vô hiệu thì chỉ bị vô hiệu đối với lần đặt cọc thứ hai vì giao dịch bằng đô la Mỹ, còn đặt cọc lần thứ nhất giao dịch bằng tiền Việt Nam đồng phải được công nhận. Đối với nội dung này Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy nhận tiền đặt cọc lần 1 và lần 2 các bên chỉ thoả thuận nếu bên bán (bà T ông H) không bán nữa thì phải trả cho bên mua (bà C) tiền đặt cọc và phải nộp phạt 5% số tiền đã đặt cọc, như vậy thoả thuận phạt cọc nêu trên chỉ quy định đối với bên bán mà không quy định đối với bên mua. Ngoài ra trong thoả thuận đặt cọc các bên đưa ra thời hạn để thực hiện việc mua, bán nhà đất nhưng hết thời hạn nêu trên không thực hiện được việc mua bán như đã thoả thuận. Cả hai bên đều đưa ra lý do về việc không thực hiện được mua bán nhà của mình là có căn cứ. Tuy nhiên theo lời khai của bà C, khi hết thời gian theo thỏa thuận tại Hợp đồng đặt cọc lần 2, bà C đã hai lần gửi thông báo yêu cầu thực hiện việc mua bán nhà nhưng ông H, bà T không phản hồi, tại phiên tòa bà T xác nhận có nhận được thông báo nhưng do không thấy thiện chí của bên mua nên không có phản hồi (BL 197). Như vậy, có cơ sở xác định lỗi dẫn đến việc không thể thực hiện được việc mua bán nhà là của vợ chồng bà T ông H. Do vậy mặc dù giao dịch đặt cọc bị vô hiệu một phần nhưng phần còn lại bị vô hiệu do người bán đã vi phạm thoả thuận trong hợp đồng đặt cọc, tuy nhiên do bà C chỉ yêu cầu đòi lại số tiền đã đặt cọc mà không yêu cầu bồi thường nên Toà án không buộc bên có lỗi phải bồi thường. Sau khi xét xử sơ thẩm bà C không kháng cáo về nội dung này nên Toà án cấp phúc thẩm không giải quyết làm bất lợi cho bị đơn đồng thời cũng là người có đơn kháng cáo.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T và yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 128, Điều 318, Điều 358 Bộ luật Dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005

Căn cứ Điều 29 Nghị định 160/2006 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST, ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H (ông H do anh Doãn Minh Đức là người đại diện theo ủy quyền).

Xác định giao dịch đặt cọc mua, bán nhà tại địa chỉ số 15/197, ngõ Trại Cá (số mới 15/239 Trần Đại Nghĩa), Hai Bà Trưng, Hà Nội giữa bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H là vô hiệu.

2. Bà Trần Thị T và ông Doãn Hữu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là: 2.250.000.000đồng và 35.000đô la Mỹ (USD), quy đổi ra tiền Việt Nam là 812.700.000đồng. Tổng cộng là: 3.062.700.000đồng (ba tỷ không trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà tại địa chỉ số 15/197, ngõ Trại Cá (số mới 15/239 Trần Đại Nghĩa), Hai Bà Trưng, Hà Nội và việc thanh toán số tiền 3.800.000.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của của bà T đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc buộc bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Nhà nước áp dụng từ 01/12/2010 đến nay là 9%, tạm tính từ ngày 22/02/2012 đến 21/06/2019 tổng số tiền là: 2.508.000.000đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho bà T, ông H giấy tờ nhà đất tại địa chỉ số 15/197, ngõ Trại Cá (số mới 15/239 Trần Đại Nghĩa), Hai Bà Trưng, Hà Nội mà bà C đã nhận.

5. Về án phí:

Bà Trần Thị T, ông Doãn Hữu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 207.562.000đồng.

Bà Trần Thị T phải chịu 114.308.000đồng án phí đối yêu yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.760.434đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02060 ngày 22/01/2019 của

Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, bà T còn phải nộp: 57.601.566đồng.

Bà T và ông H mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng mỗi người đã nộp theo biên lai số 0002700, 0002701, ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim C tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 55.000.000đồng (năm mươi lăm triệu đồng) theo 02 Biên lai thu tiền cụ thể: 46.000.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02464 ngày 16/3/2017 và 9.000.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 2500 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam